

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/KDTM-ST
Ngày 01-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2023/TLST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Ng; địa chỉ: Đường số A, Cụm Công nghiệp L, xã L, thành phố Tân An, tỉnh Long An

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Văn H, sinh năm 1951; địa chỉ: Số A Nguyễn Văn Ng, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đại diện theo ủy quyền, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A; địa chỉ: Số A, Đường D, Khu dân cư Đ, khu phố T, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2023, quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/02/2019, Công ty Cổ phần Ng (sau đây gọi tắt là Công ty Ng) ký Hợp đồng kinh tế HS/NP/01/19.02/05 với Công ty với Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và ngày 09/09/2019 ký thêm Phụ lục Hợp đồng số 14/2019-PLHD. Theo đó Công ty Ng cung cấp bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông cho công ty A để thực hiện công trình khu Tái định cư hành chính tỉnh Long An tại địa chỉ đường Hùng Vương nối dài, Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Ng đã giao hàng và thực hiện dịch vụ đúng như thỏa thuận nh Công ty A không thực hiện đúng thỏa thuận quy định tại khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng kinh tế ký ngày 28/02/2019, cụ thể: vào các ngày 24/12/2019, 30/01/2020, 31/3/2020, công ty Ng đã giao hàng và xuất 05 hóa đơn giá trị gia tăng có số sê ri lần lượt là 0001962, 0002086, 0002087, 0002261, 0002262 với tổng số tiền 461.752.000đ (bốn trăm sáu mươi một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng), bị đơn đã thanh toán được 50.000.000đ trong tổng số tiền của 5 hóa đơn này, còn lại 411.752.000 đồng. Từ ngày 20/6/2020 đến nay Công ty A vẫn chưa thanh toán cho Công ty Ng mặc dù Công ty Ng đã nhiều lần nhắc nhở bằng cách liên hệ điện thoại, gửi công văn và cử nhân viên trực tiếp đến Công ty A. Vì vậy, Công ty Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công Ty TNHH Tư vấn Xây dựng A phải trả cho Công ty Cổ phần Ng số tiền nợ gốc là 411.752.500 đồng và tiền lãi theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 195.852.200 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Ng là 607.334.200đ.

- *Bị đơn Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A*: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty A để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 31/3/2023 ngày 21/4/2023 và tham gia phiên tòa vào các ngày 15/5/2023 ngày 01/6/2023 nh vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tổ tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tổ tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 15/5/2023 và ngày 01/6/2023 nH vắng mặt không có lý do, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Ngày 28/02/2019, Công ty Cổ phần Ng (sau đây gọi tắt là Công ty Ng) ký Hợp đồng kinh tế HS/NP/01/19.02/05 với Công ty với Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và ngày 09/09/2019 ký thêm Phụ lục Hợp đồng số 14/2019-PLHD để mua bán bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm bê tông. Mác bê tông, quy cách, chất lượng, đơn giá, hạng mục bơm được quy định trong hợp đồng. Về khối lượng bê tông thực tế được xác nhận giữa hai bên bằng biên bản xác nhận khối lượng (Điều 2.1). Ngoài ra hai bên còn thỏa thuận về điều kiện, giao hàng, phương thức thanh toán, cụ thể thỏa thuận về điều kiện và thời gian thanh toán tại mục 2.2.2 của hợp đồng quy định: *“Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị của từng đợt cung ứng bê tông trong vòng 30 ngày (bằng chuyển khoản) kể từ ngày đổ bê tông. Cứ 15 ngày xuất hóa đơn 1 lần, bên B căn cứ vào các biên bản xác nhận khối lượng đã được đại diện bên A & B ký xác nhận, trên cơ sở đó bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A”* và còn quy định về hồ sơ thanh toán, hạn mức công nợ, phạt vi phạm nếu thanh toán trễ.... Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự trong việc giao kết hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét, quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 15/3/2019 đến ngày 20/6/2020 Công ty Ng đã giao hàng cho Công ty A với tổng giá trị hàng là 1.585.387.500đ (một tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), nH đến ngày 20/6/2020 Công ty A mới thanh toán được số tiền 1.173.635.000đ (một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn) đồng, còn nợ lại 411.752.500đ (bốn trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng), cụ thể: Hóa đơn số 0001962 nợ 68.020.000 đồng từ ngày 24/12/2019 đến nay; hóa đơn số 0002086 còn nợ 107.102.500 đồng từ ngày 30/01/2020 đến nay, hóa đơn số 0002087 nợ 7.600.000 đồng từ ngày 30/01/2020 đến nay, hóa đơn số 0002261 và hóa đơn số 0002262 nợ 196.905.000 đồng từ ngày 31/3/2021 đến nay, số tiền nợ này cũng phù hợp với số tiền Công ty A xác nhận trong Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/04/2021 giữa Công ty Nguyên Phát với Công ty An Ng (bút lục 08). Như vậy, Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận tại mục 2.2.2 (Điều kiện thanh toán) và mục 2.2.1 (Hạn mức công nợ) của Điều 2 trong Hợp đồng kinh tế nên Công ty Ng khởi kiện yêu cầu Công ty A thanh toán toàn bộ số tiền hàng còn nợ 411.752.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

[4] Đối với tiền lãi do chậm thanh toán, tại mục 2.2.4 Điều 2 của Hợp đồng kinh tế số HS/NP/01/19.02/05 ngày 28/02/2019, hai bên thỏa thuận về tiền lãi do chậm thanh toán như sau:

“...Tất cả các khoản thanh toán chậm đều phải chịu một khoản lãi suất là 0,1%/ngày trên số tiền trả chậm nH không được quá 30 ngày, kể từ ngày thanh toán cho bên B”

Quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm (theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) trên toàn bộ số tiền bị đơn chậm thanh toán, cụ thể:

Tiền lãi tính từ ngày 31/3/2020 đến ngày 01/6/2023 trên số tiền hàng chậm thanh toán 411.752.000 đồng là: $(411.752.000đ \times (10\% \times 150\%) \times 38 \text{ tháng}) = 195.582.200 \text{ đồng}$; Tổng cộng số tiền Công ty A phải thanh toán cho Công ty Ng là 607.334.200 đồng.

[5] Xét, việc thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng là sự tự nguyện của các bên giao kết hợp đồng. Tuy nhiên mức lãi suất các đương sự thỏa thuận trong hợp đồng (3%/ tháng), cao hơn mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005. Quá trình tố tụng người đại diện của nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, mức lãi suất này cũng phù hợp với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng do Tòa án thu thập được (BL số 40-43) và cũng phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Do đó yêu cầu tính lãi của Công ty Ng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Ng nên Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 50, 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Ng về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A.

1.1. Buộc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A thanh toán cho Công ty Cổ phần Ng số tiền hàng còn nợ là 411.752.000đ (bốn trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng)

1.2. Buộc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A thanh toán cho Công ty Cổ phần Ng số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 01/6/2023 là 195.582.200đ (một trăm chín mươi lăm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn hai trăm đồng).

Tổng cộng Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Ng 607.334.200đ (sáu trăm lẻ bảy triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm đồng).

1.3. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ 02/6/2023 theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 cho đến khi Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần Ng.

2. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A phải chịu số tiền 28.293.368đ (hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho Công ty Cổ phần Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.095.225đ (mười bốn triệu không trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006118 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Hoa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 01 tháng 6 năm 2023.

Tại phòng nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

Tiến hành nghị án đối với vụ án Kinh doanh Thương mại sơ thẩm thụ lý số 07/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần Ng; địa chỉ: Đường số 2, Cụm Công nghiệp Lợi Bình Nhơn, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Văn H, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 212/327/9 Nguyễn Văn Nguyên, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đại diện theo ủy quyền, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A; địa chỉ: Số 6, Đường D5, Khu dân cư Đất Mới, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU.

Căn cứ vào các Điều 30, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 50, 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Thông nhất biểu quyết 3/3.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Ng về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A.

1.1. Buộc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A thanh toán cho Công ty Cổ phần Ng số tiền hàng còn nợ là 411.752.000đ (bốn trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng)

1.2. Buộc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A thanh toán cho Công ty Cổ phần Ng số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 01/6/2023 là 195.582.200đ (một trăm chín mươi lăm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn hai trăm đồng).

Tổng cộng Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Ng 607.334.200đ (sáu trăm lẻ bảy triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm đồng).

1.3. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ 02/6/2023 theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 cho đến khi Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần Ng.

Thông nhất biểu quyết 3/3.

2. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng A phải chịu số tiền 28.293.368đ (hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho Công ty Cổ phần Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.095.225đ (mười bốn triệu không trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006118 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Thông nhất biểu quyết 3/3.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thông nhất biểu quyết 3/3.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Thông nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA